TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 157/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 6, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 846/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 giữa:

- Bà Vũ Thị Chung H, Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 10/1 đường LT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Thái S, Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 10/1 đường LT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Vũ Thị Chung H và Ông Phạm Thái S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Vũ Thị Chung H và Ông Phạm Thái S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có một con chung là Phạm Chánh V, sinh ngày 12/9/2009. Hai bên tự thoả thuận về việc nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu

của cha, mẹ hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 74, Quyển số 01/08 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 10 năm 2008 không còn giá trị pháp lý.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Vũ Thị Chung H tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Vũ Thị Chung H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010634 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Vũ Thị Chung H được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q6;
- Chi Cục THADS Q.6;
- UBND P.A, Q.F;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lại Thị Bình Minh